

Bản án số: 339/2021/HS-ST

Ngày: 25/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phùng Thị Kim Loan

Ông Lê Phú Hợp

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Nghĩa Hải - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HN tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 175/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 05 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 07 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 302/2021/TB-TA ngày 6/8/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố HN đối với:

Bị cáo: 1. Lê Văn S, S năm 1980; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: P1203- CT2- KĐT mới VK, phường LK, quận HĐ, thành phố HN.

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không, Nghề nghiệp: Nguyên kế toán trưởng, Trình độ học vấn: 12/12, cử nhân kế toán Học viện Tài chính; Đảng phái, đoàn thể: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Ngày 6/8/2019 UBKT Đảng uỷ Tổng Công ty SĐ 6, Quyết định đình chỉ S hoạt động số 151/QĐ/UBKT; Con ông: Lê Văn C, S năm: 1954 và con bà: Nguyễn Thị B, S năm: 1956; vợ: Nguyễn Thị Mai, S năm 1982; Con: Có 01 con, S năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị tạm giam từ ngày 25/7/2019 đến nay tại Trại tạm giam số 2- Công an Thành phố HN.

Người bào chữa cho bị cáo S: Luật sư Hoàng Văn Hường, luật sư Nguyễn Thị Yến, luật sư Hoàng Thị Dinh – Văn phòng Luật sư Hoàng Hưng – Đoàn luật sư Thành phố HN.

(Có mặt bị cáo S, ls Hường, ls Yến, ls Dinh)

2. Phạm Thị Thuý H, S năm 1979; Giới tính: Nữ

Nơi ĐKKHKT: K4 Ngõ 112 tổ 16, phường Kiến Hưng, quận HĐ, thành phố HN (Chỗ ở: P2205- CT2- KĐT VK, phường LK, quận HĐ, thành phố HN).

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nguyên Thủ quỹ; Trình độ học vấn: 12/12, cử nhân kế toán – Đại học Công đoàn; Đảng phái, đoàn thể: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, Ngày 05/8/2019 Đảng uỷ Công ty CP SĐ 6, Quyết định đình chỉ S hoạt đảng số 81-QĐ/ĐUCT; Con ông: Phạm Ngọc Đ, S năm 1941 và con bà: Nguyễn Thị T, S năm 1944; Chồng: Phạm Đông H1, S năm 1977; Con: Có 02 con, nhỏ S năm 2014, lớn S năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị tạm giam từ ngày 25/7/2019 đến nay tại Trại tạm giam số 2 – Công an Thành phố HN.

Người bào chữa cho bị cáo Hà: Luật sư Hoàng Văn Hường, luật sư Hoàng Văn Doãn và luật sư Nguyễn Thị Yến – Văn phòng Luật sư Hoàng Hưng – Đoàn luật sư Thành phố HN.

(Có mặt bị cáo, luật sư Hường, ls Yến; vắng mặt ls Doãn)

3. Nguyễn Văn Q, S năm 1992; Giới tính: Nam

Nơi ĐKKHKT: số 176 đường Chiến Thắng, phường VQ, quận HĐ, thành phố HN (Chỗ ở: P1614 – CT4, Chung cư ThePride, phường LK, quận HĐ, thành phố HN).

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nguyên Kế toán; Trình độ học vấn: 12/12; Đảng phái, đoàn thể: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; Ngày 05/8/2019 Đảng uỷ Công ty CP SĐ 6, Quyết định đình chỉ S hoạt số 82-QĐ/ĐUCT; Con ông: Nguyễn Văn H3, S năm 1970 và con bà: Nguyễn Thị H4, S năm 1973; vợ: Bùi Thị Tr, S năm 1992; Con: chưa; TATS: Không.

Bị can bị tạm giam từ ngày 25/7/2019 đến nay tại trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố HN.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q: Luật sư Hoàng Văn Hường và luật sư Nguyễn Cảnh Nhơn – Văn phòng Luật sư Hoàng Hưng – Đoàn luật sư Thành phố HN.

(Có mặt bị cáo Quang, luật sư Hường, ls Nhơn)

Bị hại: Công ty TNHH Xây dựng và thương mại NT

Trụ sở: số 48 phố NK, phường YH, quận CG, thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Ngọc S, Chức vụ: Giám đốc Công ty. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Công ty cổ phần SĐ 6

Trụ sở: Tòa nhà thương mại, Khu đô thị VK, phường LK, quận HĐ, thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến Thủ, chức vụ: Tổng giám đốc.

Do ông Hà Quốc Thịnh – Phó tổng giám đốc – Đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 45/GUQ-TCNS ngày 23/10/2021 của Tổng giám đốc Công ty). Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Mai, S năm 1982

Trú tại: P1203 Tòa nhà CT2, Khu đô thị VK, phường LK, quận HĐ, thành phố HN. Có mặt.

Nhân chứng:

Bà Dương Thanh Th, S năm 1979

Trú tại: số 48 phố NK, phường YH, quận CG, thành phố HN. Có mặt.

Bà Nguyễn Thị Bích L, S năm 1983

Trú tại: Tổ 9 (tổ 16 cũ) phường YH, quận CG, thành phố HN (nay ở tại: số 26/84 phố YH, phường YH, quận CG, thành phố HN). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố HN nhận đơn tố cáo của ông Bùi Ngọc S, S năm 1971, Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và thương mại NT ở số 48 phố NK, phường Yên Hoà, quận CG, thành phố HN, tố cáo Lê Văn S có hành vi vi phạm pháp luật trong việc yêu cầu Công ty Nam Tín nộp số tiền 5.430.000.000 đồng khi làm thủ tục thanh toán.

Quá trình điều tra xác định:

Công ty CP SĐ 6 được thành lập ngày 03/01/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4400135552 do Sở kế hoạch đầu tư TP HN, có trụ sở chính tại nhà Thương mại, khu đô thị VK, phường LK, quận HĐ, thành phố HN; Đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 12/5/2017 do ông Đào Xuân Tuấn – Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Từ tháng 5/2016 đến tháng 7/2019, Công ty CP SĐ 6 có 65% vốn góp Nhà nước thuộc phần vốn góp của Tổng Công ty SĐ.

Lê Văn S được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Công ty CP SĐ 6 theo Quyết định số 39/QĐ-HĐQT ngày 24/3/2014 của Hội đồng quản trị Công ty CP SĐ 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Lê Văn S được quy định tại điều lệ Công ty CP SĐ 6: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; Giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc giám sát tài chính của Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Phạm Thị Thúy Hà được giao nhiệm vụ thủ quỹ theo Quyết định số 135/QĐ-TCHC ngày 28/11/2012 của Công ty CP SĐ 6. Hà có nhiệm vụ: Thực hiện việc thu, chi quỹ theo quy trình luân chuyển chứng từ của Công ty CP SĐ 6 và lưu trữ chứng từ theo quy định; Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và cơ quan pháp luật về việc quản lý quỹ, kết; Thực hiện công việc khác do Kế toán trưởng phân công.

Nguyễn Văn Q được giao nhiệm vụ kế toán theo Quyết định số 270/QĐ-TCHC ngày 18/10/2014 của Công ty CP SĐ 6. Quang có nhiệm vụ do Kế toán trưởng phân công và kiểm tra thực hiện: Kế toán theo dõi mảng Ngân hàng; Tập hợp chứng từ, bảng kê kế toán trên phần mềm kế toán.

Ngày 28/7/2010, Tập đoàn điện lực Việt Nam (Chủ đầu tư) đại diện là ông Phạm Văn Quân - Trưởng ban quản lý dự án thủy điện 1 ký hợp đồng số 36 -2010/HQ/HĐXL với Tập đoàn SĐ (Bên nhận thầu), đại diện là ông Dương Khánh Toàn - Tổng Giám đốc về việc giao cho Tập đoàn SĐ thi công xây dựng theo hình thức Tổng thầu xây dựng dự án thủy điện Huội Quảng tại xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Ngày 06/10/2010, Tập đoàn SĐ - đại diện là ông Đàm Xuân Ký – Giám đốc Ban điều hành dự án thủy điện Huội Quảng ký Hợp đồng số 195 – 2010/HĐKT/HQ-BĐH-SĐ6 thi công Công trình thủy điện Huội Quảng với Công ty CP SĐ 6 - đại diện là ông Nguyễn Văn Tùng – Tổng giám đốc Công ty về việc giao Công ty CP SĐ 6 thi công xây dựng một số hạng mục công trình thuộc dự án Nhà máy thủy điện Huội Quảng, giá trị hợp đồng tạm tính là 1.073.410.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty CP SĐ 6 ủy quyền cho Chi nhánh SĐ 6.01 (là đơn vị trực thuộc SĐ 6) do ông Hà Tuấn Long làm giám đốc trực tiếp thi công tại công trường theo Giấy ủy quyền số 20 ngày 07/7/2011.

Trong quá trình thực hiện công tác xây dựng hoàn thiện Công trình thủy điện Huội Quảng, chi nhánh SĐ 6.01 không tự thi công hạng mục Sơn Epoxy nên Công ty CP SĐ 6 đã tổ chức đấu thầu theo hình thức bỏ giá, Công ty TNHH Xây dựng và thương mại NT (gọi tắt là Công ty Nam Tín, địa chỉ: số nhà 48 phố NK, phường Yên Hoà, CG, thành phố HN) là đơn vị trúng thầu.

Từ ngày 09/8/2015 đến ngày 01/4/2016, ông Đặng Quốc Bảo S năm 1979 HKTT CT9 khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận HĐ, thành phố HN - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần SĐ 6 ký 05 Hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH Xây dựng và thương mại NT, do ông Bùi Ngọc S làm Giám đốc về việc thực hiện hoàn thiện 1 số hạng mục sơn Epoxy tại Công trình thủy điện Huội Quảng - xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Sau khi ký hợp đồng, Công ty Nam Tín đã tập kết vật liệu, nhân công, máy móc và tiến hành thi công từ ngày 02/9/2015 đến ngày 25/01/2017 thì thi công xong, cụ thể:

1. Hợp đồng số 22/2015/HĐVT/SĐ6-NT ngày 09/8/2015, giá trị hợp đồng sau thuế: 909.243.000 đồng.

Ngày 10/9/2015, Công ty Nam Tín được tạm ứng 30% giá trị hợp đồng bằng 272.773.000 đồng

2. Hợp đồng số 27/2015/HĐVT/SĐ6-NT ngày 20/9/2015, giá trị hợp đồng sau thuế: 3.890.246.026 đồng.

Ngày 01/10/2015 Công ty Nam Tín được tạm ứng 120.175.000 đồng tiền mua chất kết dính Sikadur.

Ngày 16/10/2015, Công ty Nam Tín được tạm ứng 30% giá trị hợp đồng bằng 1.000.000.000 đồng.

3. Ngày 06/11/2015 ký Hợp đồng số 33/2015/HĐVT/SD6-NT, giá trị hợp đồng sau thuế: 4.323.540.685 đồng.

Sau khi ký hợp đồng số 33/2015/HĐVT/SD6-NT khoảng 1 tuần, Bùi Ngọc S đến gặp Lê Văn S - Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP SD 6 xin tạm ứng và thanh toán theo hợp đồng số 33. Do tình hình tài chính của Công ty CP SD 6 gặp khó khăn, quỹ của Công ty sử dụng trong việc đối ngoại, tiếp khách không đủ chi nên Lê Văn S nảy S ý định thu tiền phần trăm trên số tiền được tạm ứng, thanh toán của Công ty Nam Tín. Mặt khác, S biết ông Sơn đang cần thanh toán nhanh tiền mua vật liệu, trả công thuê nhân công, máy móc để thi công nên đã yêu cầu ông Sơn nộp lại từ 30 đến 40% giá trị được tạm ứng, thanh toán từng đợt theo hợp đồng thì sẽ được thanh toán nhanh, nếu không thì S sẽ gây khó khăn trong quá trình nghiệm thu và việc thanh toán sẽ bị chậm. Lần đầu gặp, ông Sơn không đồng ý theo yêu cầu của S vì số tiền nộp lại quá nhiều vượt quá tiền lãi nên chưa được thanh toán. Đến lần thứ 3, ông Sơn gặp S xin tạm ứng, thanh toán theo hợp đồng nhưng không được, do đã tập kết hết vật liệu, máy móc và đang tiến hành thi công dang dở, nếu không thi công nữa sẽ bị chậm tiến độ và phạt theo hợp đồng nên ông Sơn đã đồng ý theo yêu cầu của Lê Văn S. S nói với ông Sơn, tiền nộp theo mỗi đợt được thanh toán, S sẽ tổng hợp các công việc được nghiệm thu và tính toán số tiền Công ty Nam Tín phải nộp. Sau khi ông Sơn đồng ý, ngày 24/11/2015, S đã thanh toán tạm ứng 30% giá trị hợp đồng số 33/2015/HĐVT/SD6-NT là 1.297.000.000 đồng cho Công ty Nam Tín.

4. Ngày 27/12/2015, 02 Công ty tiếp tục ký Hợp đồng số 41/2015/HĐVT/SD6-NT, giá trị hợp đồng sau thuế: 4.314.134.656 đồng.

Ngày 04/2/2016, Công ty Nam Tín được tạm ứng 30% giá trị hợp đồng bằng 1.294.000.000 đồng.

5. Ngày 01/4/2016, ký Hợp đồng số 09/2016/HĐVT/SD6-NT, giá trị hợp đồng sau thuế: 6.170.096.481 đồng.

Ngày 24/5/2016, Công ty Nam Tín được tạm ứng 30% giá trị hợp đồng bằng 1.400.000.000 đồng.

Tổng giá trị của 05 hợp đồng là 19.607.260.848 đồng. Theo yêu cầu của Lê Văn S, Công ty TNHH Xây dựng và thương mại NT đã nộp số tiền phần trăm cụ thể như sau:

Lần 1: Công ty Nam Tín nộp số tiền 1.000.000.000 đồng.

Từ ngày 10/9/2015 đến ngày 24/5/2016, Công ty CP SD 6 tạm ứng bằng ủy nhiệm chi với tổng số tiền 5.382.908.000 đồng theo 05 hợp đồng cho Công ty Nam Tín. Sau khi tạm ứng số tiền trên, Lê Văn S là Kế toán trưởng Công ty CP SD 6 đã tự tính toán áp đơn giá nhân công, vật liệu theo giá S tự tham khảo trên mạng internet rồi áp vào khối lượng công việc theo 05 hợp đồng rồi hướng dẫn Nguyễn Văn Q - kế toán Công ty CP SD 6 lập bảng tổng hợp chênh lệch giữa đơn giá S đưa

ra và giá theo hợp đồng để Quang tính tiền chênh lệch số tiền Công ty Nam Tín được lãi theo 05 hợp đồng và tính số tiền Công ty Nam Tín phải nộp lại tạm tính là 1.622.951.880 đồng tương đương 33% trên số tiền 5.382.908.000 đồng đã được tạm ứng.

Sau đó, S gọi ông Bùi Ngọc S đến trụ sở Công ty CP SĐ 6 và đưa bảng kê số tiền nộp lại cho ông Sơn xem và yêu cầu nộp số tiền 1.650.000.000 đồng. Do không đủ nộp hết nên ông Sơn thỏa thuận và thống nhất với Lê Văn S nộp trước số tiền 1.000.000.000 đồng và S đồng ý.

Ngày 27/5/2016, ông Sơn giao cho vợ là bà Dương Thanh Th và bà Nguyễn Thị Bích L nhân viên Công ty Nam Tín đến Công ty CP SĐ 6 gặp Lê Văn S để nộp tiền và dặn bà Thủy sau khi nộp tiền yêu cầu Công ty SĐ 6 ký xác nhận đã nhận tiền, bà Thủy đồng ý. Bà Thủy lên gặp S, S bảo bà Thủy gặp Phạm Thị Thúy Hà thủ quỹ Công ty CP SĐ 6 để nộp tiền. Bà Thủy sang phòng làm việc riêng của Hà và nộp cho Hà số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau khi nộp tiền, bà Thủy đưa cho Hà bảng tổng hợp số tiền phải nộp để Hà ký xác nhận đã nhận tiền nhưng Hà không ký. Bà Thủy trao đổi với S, S nói bà Thủy ra gặp Nguyễn Văn Q - Kế toán Công ty CP 6 và được Quang ký xác nhận nhận số tiền 1.000.000.000 đồng, sau đó đưa lại cho bà Thủy. Việc nộp tiền cho Hà có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Bích L

Lần 2: Công ty Nam Tín nộp số tiền 1.500.000.000 đồng (Ngày 10/8/2016 nộp 1.200.000.000 đồng, ngày 16/8/2016 nộp 300.000.000 đồng)

Ngày 09/5/2016, Chi nhánh SĐ 6.01 làm giấy đề nghị Công ty CP SĐ 6 thanh toán số tiền 1.231.488.121 đồng cho Công ty Nam Tín đối với khối lượng công việc hoàn thành và được chi nhánh 6.01 nghiệm thu theo hợp đồng số 22, 33, 41 và được Lê Văn S và ông Đặng Quốc Bảo - Tổng giám đốc ký duyệt chi. Ngày 26/5/2016, Công ty Nam tín được thanh toán số tiền 1.231.488.121 đồng bằng ủy nhiệm chi.

Ngày 30/7/2016, Chi nhánh SĐ 6.01 làm giấy đề nghị Công ty CP SĐ 6 thanh toán số tiền 1.933.582.528 đồng cho Công ty Nam Tín đối với khối lượng công việc hoàn thành và được chi nhánh 6.01 nghiệm thu theo hợp đồng số 22, 27, 41 và được Lê Văn S và Đặng Quốc Bảo - Tổng giám đốc ký duyệt chi. Ngày 09/8/2016 Công ty Nam Tín được thanh toán 1.200.000.000 đồng và ngày 15/8/2016 được thanh toán 733.482.528 đồng bằng ủy nhiệm chi.

Sau khi áp giá theo giá của Lê Văn S nghĩ ra đối với khối lượng hoàn thành được đã được thanh toán, S chỉ đạo Quang lập 02 bảng tổng hợp tính giá trị chênh lệch giữa giá theo hợp đồng và giá S đưa ra để tính số tiền Công ty Nam Tín nộp lại là 1.500.000.000 đồng.

Ngày 10/8/2016, ông Sơn - Giám đốc Công ty Nam Tín đưa cho vợ là bà Dương Thanh Th 1.200.000.000 đồng đến nộp tiền cho Lê Văn S. S chỉ đạo Hà – Thủ quỹ nhận tiền và ký xác nhận nhận số tiền 1.200.000.000 đồng vào bảng tổng hợp thanh toán công trình Huội Quảng tính đến ngày 18/06/2016 do Nguyễn Văn Q lập rồi đưa lại cho bà Thủy.

Ngày 16/8/2016, ông Sơn tiếp tục đưa cho bà Dương Thanh Th 300.000.000 đồng đến nộp tiền cho Lê Văn S. S chỉ đạo Hà thủ quỹ nhận tiền và Nguyễn Văn Q

xác nhận, nhận số tiền 300.000.000 đồng vào bảng tổng hợp thanh toán công trình Huội Quảng tính đến ngày 16/08/2016 do Nguyễn Văn Q lập rồi đưa lại cho bà Thủy. 02 lần bà Thủy nộp tiền cho Hà đều có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Bích L.

Lần 3: Công ty Nam Tín nộp số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ngày 03/01/2017, Công ty Nam Tín làm giấy đề nghị Công ty CP SĐ 6 thanh toán số tiền 2.047.734.448 đồng cho Công ty Nam Tín đối với khối lượng công việc hoàn thành và được chi nhánh 6.01 nghiệm thu theo hợp đồng số 33,09, 41. Ngày 09/01/2017, Công ty Nam Tín được thanh toán số tiền 2.047.734.448 đồng bằng ủy nhiệm chi. Sau khi áp giá theo giá của S nghĩ ra đối với khối lượng hoàn thành đã được thanh toán, S chỉ đạo Quang lập 01 bảng tổng hợp tính giá trị chênh lệch giữa giá theo hợp đồng và giá S đưa ra để tính số tiền Công ty Nam Tín nộp lại là 1.000.000.000 đồng.

Ngày 11/01/2017, ông Sơn - Giám đốc Công ty Nam Tín đưa cho vợ là bà Dương Thanh Th số tiền 1.000.000.000 đồng đến nộp tiền cho Lê Văn S. S chỉ đạo Hà thủ quỹ nhận tiền và Quang kế toán ký xác nhận nhận số tiền 1.000.000.000 đồng vào bảng tổng hợp công trình Huội Quảng tính đến ngày 11/01/2017 do Nguyễn Văn Q lập rồi đưa lại cho bà Thủy có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Bích L.

Lần 4: Công ty Nam Tín nộp số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ngày 20/02/2017, Chi nhánh SĐ 6.01 làm giấy đề nghị Công ty CP SĐ 6 thanh toán số tiền 1.425.820.647 đồng cho Công ty Nam Tín đối với khối lượng công việc hoàn thành và được chi nhánh 6.01 nghiệm thu theo hợp đồng số 27. 33, 41 và được Lê Văn S và ông Đặng Quốc Bảo ký duyệt chi. Ngày 27/02/2017, Công ty Nam Tín được thanh toán số tiền 1.425.820.647 đồng bằng ủy nhiệm chi. Sau khi áp giá theo giá của S nghĩ ra đối với khối lượng hoàn thành đã được thanh toán, S chỉ đạo Quang lập 01 bảng tổng hợp tính giá trị chênh lệch giữa giá theo hợp đồng và giá S đưa ra để tính số tiền Công ty Nam Tín nộp lại là 1.000.000.000 đồng.

Ngày 11/01/2017, ông Sơn - Giám đốc Công ty Nam Tín đưa cho vợ là bà Dương Thanh Th số tiền 1.000.000.000 đồng đến nộp tiền cho Lê Văn S. S chỉ đạo Hà thủ quỹ nhận tiền và Nguyễn Văn Q kế toán ký xác nhận nhận số tiền 1.000.000.000 đồng vào bảng tổng hợp công trình Huội Quảng tính đến ngày 28/02/2017 do Quang lập rồi đưa lại xác nhận cho bà Thủy có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Bích L nhân viên Công ty Nam Tín.

Số tiền 4.500.000.000 đồng nhận được, S không nộp tiền vào quỹ tiền mặt của Công ty mà yêu cầu Phạm Thị Thúy Hà giữ rồi sử dụng để chi tiêu vào mục đích đối ngoại, tiếp khách của Công ty. Mỗi lần chi tiền, S nhận trực tiếp từ Hà và đọc nội dung chi tiền để Hà ghi chép theo dõi các khoản thu chi, do S chỉ đạo Hà lập sổ để theo dõi riêng. Số tiền thu của Công ty Nam Tín được sử dụng chi chung với tiền quỹ chi phí quản lý, quỹ Công đoàn, quỹ Đảng và quỹ đồng nghiệp SĐ của Công ty và được sử dụng chi cho mục đích của Công ty. Tháng 5/2017, ông Đào Xuân Tuấn S năm 1977, HKTT: Nhà 5/9 Th3 (M), khu đô thị mới Parkecity, đường Lê Trọng Tấn, phường LK, quận HĐ, thành phố HN lên thay ông Đặng Quốc Bảo

làm Tổng giám đốc, về số tiền 4.500.000.000 đồng S thu của Công ty Nam Tín khi ông Bảo làm tổng giám đốc đã được chi hết.

Lần 5: Công ty Nam Tín nộp số tiền 655.000.000 đồng.

Ngày 12/6/2017, Chi nhánh SĐ 6.01 làm giấy đề nghị Công ty CP SĐ 6 thanh toán số tiền 1.655.828.503 đồng cho Công ty Nam Tín đối với khối lượng công việc hoàn thành và được chi nhánh 6.01 nghiệm thu theo hợp đồng số 22, 27, 41 và được Lê Văn S và ông Đào Xuân Tuấn - Tổng Giám đốc Công ty CP SĐ 6 ký duyệt chi. Ngày 07/7/2017, Công ty Nam Tín được thanh toán 800.000.000 đồng bằng ủy nhiệm chi. Sau khi áp giá theo giá của S nghĩ ra đối với khối lượng hoàn thành đã được thanh toán, S chỉ đạo Quang lập 01 bảng tổng hợp tính giá trị chênh lệch giữa giá theo hợp đồng và giá S đưa ra để tính số tiền Công ty Nam Tín nộp lại là 655.000.000 đồng.

Ngày 13/7/2017, ông Sơn đưa cho vợ là bà Dương Thanh Th số tiền 655.000.000 đồng đến nộp tiền cho Lê Văn S. S chỉ đạo Hà thủ quỹ nhận tiền rồi ký xác nhận, nhận số tiền 655.000.000 đồng vào bảng tổng hợp công trình Huội Quảng (không ghi ngày) do Nguyễn Văn Q lập và đưa lại cho bà Thủy bản xác nhận có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Bích L

Sau khi thu tiền của Công ty Nam Tín số tiền 655.000.000 đồng, S nhận tiền từ Hà để sử dụng vào việc ngoại giao, tiếp khách của Công ty và đọc nội dung chi để Hà ghi vào sổ theo dõi các khoản chi.

Lần 6: Công ty Nam Tín nộp số tiền 275.000.000 đồng.

Ngày 14/7/2017, Công ty Nam tín tiếp tục được thanh toán bằng ủy nhiệm chi số tiền 855.828.503 đồng theo giấy đề nghị thanh toán ngày 12/6/2017 của Chi nhánh SĐ 6.01.

Ngày 18/9/2017, Chi nhánh SĐ 6.01 làm giấy đề nghị Công ty CP SĐ 6 thanh toán số tiền **719.230.814** đồng cho Công ty Nam Tín đối với khối lượng công việc hoàn thành và được chi nhánh 6.01 nghiệm thu theo hợp đồng số 22, 27, 41, 09 và được Lê Văn S và ông Đào Xuân Tuấn - Tổng Giám đốc Công ty CP SĐ 6 ký duyệt chi. Ngày 16/11/2017, Công ty Nam Tín được thanh toán **719.230.503** đồng bằng ủy nhiệm chi. Sau khi áp giá theo giá của S nghĩ ra đối với khối lượng hoàn thành đã được thanh toán, S chỉ đạo Quang lập 01 bảng tổng hợp tính giá trị chênh lệch giữa giá theo hợp đồng và giá S đưa ra để tính số tiền Công ty Nam Tín nộp lại là 275.000.000 đồng.

Ngày 17/11/2017, ông Sơn - Giám đốc Công ty Nam Tín đưa cho vợ là bà Dương Thanh Th số tiền 275.000.000 đồng đến nộp tiền cho Lê Văn S. S chỉ đạo Hà là thủ quỹ nhận tiền rồi ký xác nhận, nhận số tiền 275.000.000 đồng vào bảng tổng hợp công trình Huội Quảng (không ghi ngày) do Nguyễn Văn Q lập, sau khi ký Hà đưa lại cho bà Thủy bảng kê xác nhận nhận tiền có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Bích L - Nhân viên Công ty Nam Tín.

Như vậy: Tổng số tiền Công ty Nam Tín nộp theo yêu cầu của Lê Văn S là **5.430.000.000 đồng**. Trong đó Ngày 27/5/2016, 16/8/2016, 11/01/2017, 01/3/2017, Nguyễn Văn Q xác nhận, nhận tổng 3.300.000.000 đồng; Phạm Thị Thúy Hà nhận tiền và quản lý tiền. Ngày 10/8/2016, 13/7/2017, 17/11/2017, Phạm Thị Thúy Hà -

Thủ quỹ xác nhận và đã nhận tổng số tiền 2.130.000.000 đồng. Hà là người nhận tiền và được giao quản lý tiền.

Đầu tháng 11/2018, sau khi nghiệm thu khối lượng hoàn thành đối với 05 hợp đồng, Công ty CP SĐ 6 và Công ty Nam Tín làm hồ sơ thanh quyết toán với khối lượng thi công thực tế là 15.562.198.343 đồng (Đã có 10 % VAT).

Ngày 12/11/2018, Chi nhánh SĐ 6.01 làm giấy đề nghị chuyển tiền, đề nghị Công ty CP SĐ 6 thanh số tiền 1.284.840.282 đồng còn nợ lại theo hồ sơ thanh quyết toán.

Từ ngày 13/11/2018 đến tháng 01/2019, Công ty CP SĐ 6 tiếp tục thanh toán cho Công ty Nam Tín 600.000.000 đồng (Số tiền này Công ty Nam Tín không phải nộp lại cho Công ty CP SĐ 6).

Như vậy, từ ngày 10/9/2015 đến tháng 01/2019, Công ty CP SĐ 6 đã thanh toán cho Công ty Nam Tín **14.877.358.061 đồng**.

Ngày 29/7/2019, Công ty CP SĐ 6 đã thanh toán hết số tiền 684.840.282 đồng còn nợ lại theo khối lượng được nghiệm thu, thanh quyết toán.

Về nghĩa vụ bảo hành của Tổ hợp nhà thầu: Ngày 25/12/2019, Ban quản lý dự án thủy điện 1 đại diện của EVN đã ký văn bản số 165/ATĐ1-P.KTHQ xác nhận hoàn thành bảo hành Công trình thủy điện Huội Quảng kể từ ngày 30/9/2019.

Số tiền 5.430.000.000 đồng thu của Công ty Nam Tín, Lê Văn S giao cho Phạm Thị Thúy Hà - Kế toán kiêm Thủ quỹ giữ, vào sổ theo dõi và được chi vào mục đích đối ngoại, tiếp khách của Công ty. Trong việc chi tiêu số tiền thu của Công ty Nam Tín, S chủ động chi chung cùng các hoạt động của Công ty không phải báo cáo cụ thể cho ông Bảo và ông Tuấn. Đến tháng 7/2019 số tiền thu của Công ty Nam Tín đã được chi tiêu hết (Có bản giải trình các khoản chi chi tiết).

Tài liệu thu, chi tiêu số tiền trái quy định của Công ty Nam Tín.

Theo sổ ghi chép của Phạm Thị Thúy Hà thể hiện việc Lê Văn S chi tiền như sau:

Ngày 27/5/2016 thu của Công ty Nam Tín số tiền 1.000.000.000 đồng.

Từ ngày 27/5/2016 đến ngày 11/8/2016 chi đối ngoại: 2.898.842.000 đồng, chi tiếp khách: 24.907.000 đồng, tổng chi: 2.923.749.000 đồng.

Ngày 10/8/2016 và ngày 16.8/2016, thu của Công ty Nam Tín số tiền 1.500.000.000 đồng.

Từ ngày 10/8/2016 đến ngày 10/01/2017 chi đối ngoại: 3.756.166.200 đồng, chi tiếp khách: 307.400.000 đồng, tổng chi: 4.063.566.200 đồng.

Ngày 11/01/2017 thu của Công ty Nam Tín số tiền 1.000.000.000 đồng.

Từ ngày 11/01/2017 đến ngày 28/2/2017 chi đối ngoại: 1.012.000.000 đồng, chi tiếp khách: 48.000.000 đồng, tổng chi: 1.060.000.000 đồng.

Ngày 01/3/2017 thu của Công ty Nam Tín số tiền 1.000.000.000 đồng.

Từ ngày 01/3/2017 đến ngày 12/7/2017 chi đối ngoại: 4.597.300.000 đồng, chi tiếp khách: 234.500.000 đồng, tổng chi: 4.831.800.000 đồng.

Ngày 13/7/2017 thu của Công ty Nam Tín số tiền 655.000.000 đồng.

Từ ngày 13/7/2017 đến ngày 16/11/2017 chi đối ngoại: 4.920.000.000 đồng, chi tiếp khách: 19.000.000 đồng, tổng chi: 4.939.000.000 đồng.

Ngày 17/11/2017 thu của Công ty Nam Tín số tiền 275.000.000 đồng.

Từ ngày 17/11/2017 đến ngày 25/7/2019 (Khi Lê Văn S, Phạm Thị Thuý H, Nguyễn Văn Q bị bắt khẩn cấp) chi đối ngoại: 23.607.818.569 đồng, chi tiếp khách: 127.800.000 đồng, tổng chi: 23.735.618.569 đồng.

Như vậy trên sổ thu giữ của Phạm Thị Thuý Hà thể hiện nội dung chi tổng số tiền đối ngoại, tiếp khách từ 27/5/2016 đến 25/7/2019 là 41.533.733.769 đồng vượt quá số tiền 5.430.000.000 đồng thu của Công ty Nam Tín.

Ngày 02/8/2019, gia đình bị can Lê Văn S đã nộp khắc phục trả lại cho Công ty Nam Tín số tiền 5.430.000.000 đồng.

Xác minh các đơn vị là thầu phụ liên quan đến Công trình nhà máy thủy điện Huội Quảng:

+ Công ty CP quảng cáo thương mại và xây dựng Đông Đô; Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Thành Tiến; Công ty CP EUROWINDOW; Công ty TNHH XS TM DV Đức Cường; Công ty CP ĐTTM và KTXD Hoàng Sơn;

Đại diện các Công ty có ông bà: Ông Bùi Đức Chí - Giám đốc Công ty Đông Đô; ông Nguyễn Tiến Khoa - Giám đốc Công ty Thành Tiến; ông Đỗ Hoàng Trung - Phó Giám đốc kinh doanh Công ty CP EUROWINDOW; bà Lê Thị Hồng Vân - Phó Giám đốc Công ty Đức Cường; bà An Hà My - Giám đốc Công ty Hoàng Sơn, đều khẳng định việc ký hợp đồng kinh tế với Công ty SĐ 6 tại công trình thủy điện Huội Quảng. Ngay sau khi ký xong hợp đồng, các Công ty trên đã tiến hành vận chuyển nguyên vật liệu đến công trình, đồng thời đã được thanh quyết toán toàn bộ giá trị hợp đồng. Toàn bộ quá trình thương thảo và ký kết hợp đồng đều đúng trình tự pháp luật, không có việc gửi giá, nâng khống giá, khẳng định không bị ai tại Công ty CP SĐ 6 yêu cầu đưa tiền phần trăm theo hợp đồng và cũng như không phải đưa bất cứ khoản tiền nào cho Công ty CP SĐ 6.

Xác minh đối với một số đơn vị có việc thu, chi tiền thể hiện trên 02 quyển sổ thu giữ của Phạm Thị Thuý Hà:

Kết quả xác minh tại các Chi nhánh thuộc Công ty CP SĐ 6: Giám đốc các chi nhánh trình bày: Các chi nhánh là đơn vị thuộc Công ty CP SĐ 6, hạch toán phụ thuộc vào Công ty CP SĐ 6. Hàng tháng Công ty CP SĐ 6 có tạm ứng tiền lương và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh vào tài khoản cho các chi nhánh. Sau khi được tạm ứng Lê Văn S thường vay lại bằng tiền mặt trong thời gian từ 02 đến 07 ngày sẽ hoàn trả lại. Đối với bảng kê thu chi, lãnh đạo các chi nhánh không xác định được có đúng thực tế hay không vì các khoản vay không được thể hiện trên sổ sách kế toán và đã được hoàn trả hết không còn nợ nần gì nhau, vì vậy bảng kê thu chi tiền trong sổ Hà lập không cân đối giữa thu và chi là không thể hiện đầy đủ các nội dung vay và trả tiền.

Xác minh Công ty CP Chiến Thắng: Là đối tác cung cấp xi măng cho Công ty CP SĐ 6 từ năm 2014. Cá nhân ông Nguyễn Văn Hải – Giám đốc Công ty CP Chiến Thắng nhiều lần cho Lê Văn S hoặc Công ty CP SĐ 6 mượn tiền để kinh doanh và đã hoàn trả hết. Ông Hải không nhớ có nộp số tiền 186.500.000 đồng cho

Lê Văn S theo sổ ghi chép của Phạm Thị Thúy Hà để cho vay hay không. Nếu có thì S đã hoàn trả đầy đủ tiền cho ông Hải. Hiện S không nợ tiền của ông Hải và ông Hải cũng không nợ gì S hay Công ty CP SĐ 6.

Xác minh Công ty TNHH đầu tư và quốc tế Phúc Anh và Công ty CP HT Phú Gia do Nguyễn Minh Hiệu làm Giám đốc hai Công ty xác định: 02 Công ty có cung cấp vật liệu xây dựng dịch vụ vận tải cho Công ty CP SĐ 6 từ năm 2016 đến nay. Trong quá trình làm việc cá nhân ông Hiệu có cho Lê Văn S vay tiền mặt nhiều lần với số tiền khoản cao nhất là 3 tỷ đồng, trong khoảng thời gian 2 đến 7 ngày, S hoàn trả tiền. Đến nay đã hoàn trả hết, không còn phát S vay nợ.

Ông Hiệu trình bày: Số liệu vay trả trên sổ ghi không đầy đủ vì việc vay mượn tiền bằng tiền mặt đã hoàn trả hết. Hiện S không nợ tiền hai Công ty của ông Hiệu và ông Hiệu cũng không nợ tiền gì Công ty CP SĐ 6.

Xác minh Công ty CP thủy điện Pắc Ma (Chủ đầu tư thủy điện Pắc Ma), Công ty CP đầu tư và xây dựng Đông Á (Chủ đầu tư thủy điện Sông Mã 3), Công ty CP đầu tư, xây dựng và thương mại Hưng Hải (Chủ đầu tư Công trình thủy điện Nậm Ban), Công ty CP tư vấn và xây dựng thủy điện Miền Bắc (Tổng thầu nhà máy thủy điện Sứ Pán 1) xác định: 04 Công ty không nhận tiền theo sổ theo dõi của Phạm Thị Thúy Hà với nội dung Công ty Pắc Ma nhận 07 lần với số tiền 22.038.480.000 đồng; Công ty Hưng Hải nhận 21 lần với tổng số tiền 42.182.000.000 đồng; Công ty Đông Á nhận 05 lần với tổng số tiền 20.660.950.000 đồng; Công ty CP tư vấn và xây dựng thủy điện Miền Bắc nộp 200.000.000 đồng ngày 02/7/2015, nhận 520.297.730 đồng ngày 15/01/2019 vì 04 Công ty là chủ đầu tư và tổng thầu nên phải thanh toán tiền thi công cho Công ty CP SĐ 6 chứ không nhận tiền của Công ty CP SĐ 6. Nội dung chi như trên là không có căn cứ. Hiện Lê Văn S không nợ tiền của 04 Công ty này và các Công ty này cũng không nợ tiền gì của Công ty CP SĐ 6 hay cá nhân S.

Xác minh các Công ty: Công ty CP phụ gia bê tông Phả Lại về nội dung ngày 04/02/2015 nộp số tiền 1.000.000.000 đồng (đơn vị bán vật liệu xây dựng); Công ty Bảo Việt Đông Đô (Đơn vị bán bảo hiểm xe cơ giới) về nội dung ngày 17/4/2015 và ngày 02/02/2016 nộp tổng số tiền 99.900.000 đồng; Công ty TNHH Đức Minh (Bán lớp xe cơ giới) về nội dung ngày 06/6/2019 nộp số tiền 14.000.000 đồng; Công ty CP sản xuất dịch vụ và thương mại Phát Linh (Bán thép) về nội dung ngày 14/12/2017 và ngày 27/4/2018 nộp tổng số 5.207.000.000 đồng, ngày 19/7/2019 nhận số tiền 2.857.268.000 đồng xác định: Sau khi bán hàng và được thanh toán không bị yêu cầu hay tự nguyện nộp khoản tiền nào cho cá nhân Lê Văn S hay Công ty CP SĐ 6.

Tiến hành ghi lời khai đối với các cán bộ, lãnh đạo Công ty CP SĐ 6 có tên trùng với tên mà Phạm Thị Thúy Hà ghi thu, chi tiền trên 02 quyển sổ thu giữ của Hà, xác định: Các cán bộ Công ty CP SĐ 6, gồm: Vũ Đức Lãm, Nguyễn Duy Hòa, Đinh Văn Hùng, Nguyễn Thế Tài, Bùi Thị Hương, Cao Thị An, Trần Ngọc Ánh, Trần Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Đức Hiền, Quách Xuân Chương, Nguyễn Mạnh Hà, Phạm Thị Quỳnh Trang: Trong quá trình thực hiện công việc, từ tháng 10/2014 đến tháng 8/2019 vẫn thường xuyên có giấy đề nghị tạm ứng tiền để phục vụ công việc được giao, các giấy đề nghị tạm ứng đều được Ban giám đốc Công ty CP SĐ 6 phê duyệt, sau đó chuyển cho Lê Văn S là Kế toán trưởng duyệt

và Phạm Thị Thúy Hà là Thủ quỹ chi tiền. Sau khi chi tiền thì nộp lại chứng từ cho phòng kế toán để làm thủ tục hoàn ứng đúng với số tiền đã chi, thừa thì nộp lại, thiếu thì được chi thêm. Việc chi tiền được thể hiện bằng phiếu chi. Chứng từ kế toán được bộ phận kế toán lưu giữ.

Đối chiếu sổ quỹ tiền mặt, sao kê tài khoản của Công ty CP SĐ 6 với 02 quyển sổ thu giữ của Phạm Thị Thúy Hà xác định: Có 42.581.794.361 đồng trùng khớp là tiền rút từ tài khoản ngân hàng của Công ty; 113.235.000 đồng là tiền thu tiền điện nước của các hộ dân S sống trên tòa nhà SĐ 6. Có 50.544.000.000 đồng trùng khớp chi tiền nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty và 1.305.353.000 đồng là tiền cán bộ Công ty tạm ứng, thanh toán. Còn lại số chi 374.662.036.664 đồng và số thu 397.897.690.387 đồng .

Kiểm tra, đối chiếu sao kê tài khoản cá nhân của Lê Văn S, Phạm Thị Thúy Hà, Nguyễn Văn Q tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không có giao dịch nào trùng với số tiền được kê khai trên 02 quyển sổ thu giữ của Phạm Thị Thúy Hà.

Xác minh tại Tập đoàn Điện Lực Việt Nam, Tổng Công ty SĐ: Công trình xây dựng nhà máy thủy điện Huội Quảng do tập đoàn Điện lực làm chủ đầu tư và ký hợp đồng giao cho Tổng Công ty SĐ làm tổng thầu, giá trị hợp đồng là 8.332.865.262.000 đồng. Công trình được khởi công ngày 08/01/2006, phát điện vượt tiến độ; Hoàn thành bàn giao toàn bộ công trình vào ngày 18/11/2016 (đã hết hạn bảo hành công trình vào ngày 30/9/2019). Công trình đã được Hội đồng nghiệm thu cấp nhà nước kiểm tra, nghiệm thu và chấp thuận kết quả nghiệm thu tại Thông báo số 02/TB-HĐNTNN ngày 13/01/2017.

Tính đến 31/12/2019 đã giải ngân thanh toán 6.473.990.000.000 đồng trên số tiền 6.631.790.000.000 đồng được nghiệm thu. Còn lại 157.800.000.000 đồng được giữ lại theo điều khoản hợp đồng.

Dự án hoàn thành đảm bảo tiến độ, chất lượng đi vào hoạt động không có sự cố và đã được Thủ tướng Chính phủ khen tại văn bản số 1528 ngày 29/8/2016.

Dự án được kiểm toán nhà nước kết luận: Đúng quy định của nhà nước về trình tự thủ tục đầu tư xây dựng, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, quản lý chi phí, đảm bảo tính kinh tế hiệu quả của dự án.

Tài liệu thu giữ của Lê Văn S: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu sony vios màu đen, mode: SVF143 A1YW; 01 ổ cứng rời nhãn hiệu WD màu xanh; 01 USB màu đen nhãn hiệu Transcend; 01 USB màu đỏ nhãn hiệu DT101; 01 USB màu xanh nhãn hiệu Kingston;

Tài liệu thu giữ của Phạm Thị Thúy H: 01 cây máy tính nhãn hiệu Pioneer màu đen; 01 USB nhãn hiệu ADATA màu trắng.

Tài liệu thu giữ của Nguyễn Văn Q: 01 cây máy tính nhãn hiệu ORIENT.

Kết luận giám định: Ngày 04/7/2019, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP HN đã ra Kết luận giám định số 4277/KLGD-PC09-Đ4 kết luận:

Chữ viết mực đỏ trên mẫu giám định (A1: "Bảng tổng hợp thanh toán công trình Huội Quảng" đề ngày 27/5/2016), chữ viết trên các mẫu cần giám định (A2 đến A4: "Tổng hợp quyết toán công trình Huội Quảng" Tính thời điểm ngày 16/08/2016; Tính thời điểm ngày 11/01/2017; Tính thời điểm ngày 28/02/2017) là chữ của **Nguyễn Văn Q.**

Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Q trên mẫu cần giám định (A1: "Bảng tổng hợp thanh toán công trình Huội Quảng" đề ngày 27/5/2016), chữ ký trên các mẫu cần giám định (A3, A4: "Tổng hợp quyết toán công trình Huội Quảng" Tính thời điểm ngày 11/01/2017; Tính thời điểm ngày 28/02/2017) là chữ ký của **Nguyễn Văn Q.**

Chữ viết, chữ số trên mẫu cần giám định (Trừ chữ viết, chữ số có nội dung "7.481...848" - Ký hiệu A5: "Tổng hợp quyết toán công trình Huội Quảng" Tính thời điểm ngày 18/6/2016) là chữ viết, chữ số của **Lê Văn S.**

Chữ viết có nội dung "10/8/16 Đã nhận đủ 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng)" trên mẫu cần giám định (A6: "Tổng hợp quyết toán công trình Huội Quảng" Tính thời điểm ngày 18/6/2016) là chữ viết **Phạm Thị Thuý H.**

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an TP HN đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 357 ngày 17/4/2020 trưng cầu Trung tâm phát triển công nghệ quản lý và kiểm định xây dựng thuộc Cục giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng giám định chất lượng hạng mục sơn Epoxy của Công trình thủy điện Huội Quảng. Ngày 01/6/2020, Trung tâm phát triển công nghệ quản lý và kiểm định xây dựng có văn bản số 48/CDMI-KDD1, trả lời: Hạng mục sơn Epoxy của công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2015, đến nay đã qua 05 năm sử dụng nên không có cơ sở kiểm tra đánh giá chất lượng tại thời điểm hoàn thành theo Trưng cầu giám định.

Quá trình điều tra:

- **Bị can Lê Văn S, Phạm Thị Thuý H và Nguyễn Văn Q** đã khai nhận như nội dung vụ án nêu trên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và người liên quan.

- **Ông Đặng Quốc Bảo** - Tổng giám đốc Công ty CP SD 6 (thời gian từ 2014 đến tháng 5/2017) khai: Từ ngày 9/8/2015 đến ngày 01/4/2016, ông Bảo đại diện Công ty có ký 05 hợp đồng về việc mua và thi công một số hạng mục sơn tại Công trình nhà máy thủy điện Huội Quảng với Công ty Nam Tín do ông Bùi Ngọc S - Giám đốc Công ty làm đại diện, với giá trị 05 hợp đồng là 19.607.260.481 đồng. Từ ngày 10/9/2015 đến ngày 24/5/2016, Bảo ký ủy nhiệm chi tạm ứng số tiền 5.262.733.000 đồng theo 05 hợp đồng cho Công ty Nam Tín. Sau đó Công ty Nam Tín tiến hành thi công và đến ngày 25/01/2017 thi công xong. Trong quá trình thi công Chi nhánh SD 6.01 đã nghiệm thu từng phần và làm đề nghị thanh toán giá trị đã được nghiệm thu theo 05 hợp đồng cho Công ty Nam Tín rồi chuyển hồ sơ về cho bộ phận kế toán do Lê Văn S phụ trách đề duyệt thẩm định để ông Bảo ký duyệt hồ sơ thanh toán. Từ ngày 26/5/2016 đến ngày 27/2/2017, ông Bảo ký duyệt 06 giấy đề nghị thanh toán, ủy nhiệm chi cho Công ty Nam Tín với tổng số tiền là 6.638.525.744 đồng. Ông Bảo không thừa nhận đã đồng ý cho Lê Văn S Kế toán trưởng thu phần trăm số tiền đã được thanh toán của Công ty Nam Tín và không

được ai báo cáo về việc thu tiền của Công ty Nam Tín. Ông Bảo không trực tiếp làm việc với Công ty Nam Tín.

- **Ông Đào Xuân Tuấn** - *Tổng Giám đốc Công ty CP SĐ 6 (thời gian từ tháng 5/2017 cho đến nay) khai:* Tháng 5/2017, ông Tuấn lên thay ông Đặng Quốc Bảo làm tổng giám đốc. Từ ngày 12/6/2017 đến ngày 29/7/2019 ông Tuấn ký duyệt 03 giấy đề nghị thanh toán, ủy nhiệm chi và ủy quyền cho Lê Tiến Thủ - Phó tổng Giám đốc ký 03 ủy nhiệm chi mỗi lần 200.000.000 đồng, thanh toán cho Công ty Nam Tín với tổng số tiền là 4.940.739.881 đồng. Ông Tuấn khai không chỉ đạo Lê Văn S thu tiền phần trăm đã thanh toán của Công ty Nam Tín và không được Lê Văn S báo cáo về việc thu tiền của Công ty Nam Tín.

Ông Bùi Ngọc S - *Giám đốc Công ty Nam Tín khai:* như nội dung nêu trên và ông Sơn không trực tiếp làm việc với ông Đặng Quốc Bảo, ông Đào Xuân Tuấn hay cá nhân nào khác là người của Công ty CP SĐ 6 mà bị yêu cầu nộp tiền phần trăm sau khi thanh toán.

Bà Dương Thanh Th và Nguyễn Thị Bích L: *Đều khai nhận như nội dung nêu trên tổng số tiền nộp là 5.430.000.000 đồng, sau khi nộp tiền Nguyễn Văn Q là kế toán Công ty CP SĐ 6 có ký xác nhận 4 lần nhận tiền với số tiền 3.300.000.000 đồng; Phạm Thị Thúy Hà ký xác nhận nhận tiền 3 lần với số tiền 2.130.000.000 đồng vào Bảng tổng hợp thanh toán thể hiện số tiền nộp lại.*

- **Đối với ông Đặng Quốc Bảo** - Nguyên Tổng Giám đốc Công ty CP SĐ; **ông Đào Xuân Tuấn** - Tổng Giám đốc Công ty CP SĐ 6 (thay ông Đặng Quốc Bảo từ tháng 5/2017 đến nay): Quá trình điều tra xác định ông Bảo, ông Tuấn đã làm đúng quy trình trong việc ký hợp đồng thi công, nghiệm thu, thanh toán hạng mục sơn Epoxy với Công ty Nam Tín. Không đủ cơ sở kết luận ông Đặng Quốc Bảo và ông Đào Xuân Tuấn chỉ đạo và biết Lê Văn S, Nguyễn Thị Thúy Hà và Nguyễn Văn Q thu tiền phần trăm của Công ty Nam Tín để chi vào các hoạt động chung của Công ty. Do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý bằng pháp luật hình sự đối với ông Đặng Quốc Bảo và ông Đào Xuân Tuấn.

- Đối với lãnh đạo của Công ty CP quảng cáo thương mại và xây dựng Đông Đô; Công ty TNHH sản xuất thương mại Thành Tiến; Công ty CP EUROWINDOW; Công ty TNHH XS TMDV Đức Cường; Công ty CP ĐTTM và KTXD Hoàng Sơn là 05 đơn vị thầu phụ thi công một số hạng mục của nhà máy thủy điện Huội Quảng. Lê Văn S khai cho tiền cảm ơn sau khi thanh toán và thanh lý hợp đồng nhưng Lãnh đạo 05 Công ty trên không thừa nhận có việc gửi giá, cho tiền hay phải nộp tiền cho Công ty CP SĐ 6 hay cá nhân Lê Văn S, nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với lãnh đạo của 5 Công ty nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 160/CT-VKS-P3 ngày 17/05/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HN truy tố bị can Lê Văn S, Phạm Thị Thúy Hà, Nguyễn Văn Q về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 3 Điều 356 BLHS.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Lê Văn S, Phạm Thị Thúy Hà, Nguyễn Văn Q công nhận nội dung Cáo trạng là đúng, giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan điều tra, xác

nhận trong giai đoạn từ 27/5/2016 đến 17/11/2017, Lê Văn S - Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán đã chỉ đạo kế toán và thủ quỹ của Công ty cổ phần SĐ 6 thu tiền phần trăm với tỷ lệ từ 30% đến 40% trên số tiền được tạm ứng, thanh toán từng đợt để được thanh toán nhanh, nếu không thì S sẽ gây khó khăn trong quá trình nghiệm thu và việc thanh toán sẽ bị chậm của Công ty TNHH Xây dựng và thương mại NT với tổng số tiền 5.430.000.000 đồng khi làm thủ tục thanh toán theo Hợp đồng kinh tế ký kết giữa hai bên. Toàn bộ số tiền nhận các bị cáo khai do Phạm Thị Thúy Hà - Kế toán kiêm Thủ quỹ giữ, vào sổ theo dõi và được chi vào mục đích đối ngoại, tiếp khách của Công ty. Trong việc chi tiêu số tiền thu của Công ty Nam Tín, S chủ động chi chung cùng các hoạt động của Công ty không phải báo cáo cụ thể cho ông Bảo và ông Tuấn. Đến tháng 7/2019 số tiền thu của Công ty Nam Tín đã được chi tiêu hết.

Bị hại xác nhận đã nhận được toàn bộ tiền thiệt hại do các bị cáo chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:

Công ty cổ phần SĐ 6 do ông Thịnh - Đại diện theo ủy quyền: Không biết việc nhận tiền % từ Công ty Nam Tín của các bị cáo và việc chi số tiền này như thế nào phía Công ty cũng không biết. Đồng thời đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do các bị cáo có nhiều thành tích trong công tác.

Bà Nguyễn Thị Mai: Toàn bộ số tiền 5.430.000.000 đồng chiếm đoạt của Công ty Nam Tín thì bà tự nguyện khắc phục hậu quả vụ án. Bà cũng không có yêu cầu gì về dân sự đối với bị cáo S. Đồng thời đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S cùng các bị cáo.

Có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo có nhiều thành tích trong công tác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội cho rằng: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng truy tố các bị cáo Lê Văn S, Phạm Thị Thúy Hà, Nguyễn Văn Q về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều thành tích trong công tác; toàn bộ hậu quả của vụ án đã được khắc phục; các bị cáo được bị hại và Công ty cổ phần SĐ 6 đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 3 Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 3; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt: Lê Văn S từ 5 năm đến 6 năm tù.

- Áp dụng khoản 3 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 3; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Phạm Thị Thúy Hà từ 30 đến 36 tháng tù và Nguyễn Văn Q từ 30 đến 36 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự' trả cho Công ty cổ phần SĐ 6 gồm 01 máy tính xách tay nhãn hiệu sony vios màu đen, mode: SVF143 A1YW, 01 ổ cứng rời nhãn hiệu WD màu xanh, 01 cây máy tính nhãn hiệu Pioneer màu đen, 01 cây máy tính nhãn hiệu ORIENT; tịch thu tiêu hủy 04 USB và cấm đảm nhiệm chức vụ đối với các bị cáo 01 năm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo S: Không có ý kiến gì về tội danh như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Hành vi của bị cáo nhận tiền % của từng lần tạm ứng, thanh toán là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo không tư lợi cá nhân mà toàn bộ số tiền này đều được ghi chép và chi đối ngoại của Công ty.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực tác động để gia đình bị cáo khắc phục toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính; quá trình công tác bị cáo được tặng thưởng Bằng khen của Tổng Công ty SĐ; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để giải quyết nhanh vụ án; bị cáo phạm tội lần đầu; bị cáo được cơ quan nơi bị cáo đã công tác có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN đã đưa ra cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Vụ án liên quan trật tự quản lý kinh tế và tham nhũng, ở vụ án này số tiền tham nhũng đã được khắc phục triệt để và toàn bộ. Công ty CP SĐ 6 là đơn vị có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp kinh tế của đất nước với nhiều thành tích được Nhà nước khen tặng và các bị cáo trong vụ án này cũng đóng góp 1 phần nhỏ. Vì mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ chính trị mà Công ty cổ phần SĐ 6 đã đóng góp cho đất nước. Các bị cáo không có mục đích tư lợi cá nhân, động cơ phạm tội vì mục đích hoạt động của cơ quan. 3 bị cáo đều là cán bộ Công ty có nhân thân tốt, gia đình cha mẹ, thân nhân đóng góp nhiều cho cách mạng. Bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo ngay từ thời gian đầu, hậu quả của vụ án đã được gia đình bị cáo S khắc phục ngay và đầy đủ; bản thân bị cáo S có chú ruột là liệt sỹ và bị cáo có nhiều thành tích nên đề nghị HĐXX mức án nhẹ hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HN.

Đối với 02 bị cáo còn lại chỉ là vai trò phụ thực hiện tội phạm theo chỉ đạo của cấp trên; thành khẩn khai báo; hậu quả vụ án đã được khắc phục, gia đình có nhân thân là người có công với cách mạng. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 54, Điều 58 BLHS cho 2 bị cáo mức án bằng với thời hạn tạm giam và trả tự do cho 2 bị cáo ngay tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử, giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 09/8/2015 đến ngày 01/4/2016, Công ty cổ phần SĐ 6, do ông Đặng Quốc Bảo - Tổng Giám đốc ký 05 Hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH Xây dựng và thương mại NT, do ông Bùi Ngọc S làm Giám đốc về việc thực hiện hoàn thiện một số hạng mục sơn Epoxy tại Công trình thủy điện Huội Quảng - xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Tổng giá trị của 05 hợp đồng là 19.607.260.848 đồng. Sau khi ký hợp đồng, Lê Văn S - Kế toán trưởng của Công ty CP SĐ 6 yêu cầu ông Bùi Ngọc S nộp lại từ 30% đến 40% giá trị được tạm ứng, thanh toán từng đợt theo hợp đồng thì sẽ được thanh toán nhanh, nếu không thì S sẽ gây khó khăn trong quá trình nghiệm thu và việc thanh toán sẽ bị chậm, ông Sơn đồng ý nộp tiền theo yêu cầu của S. Lê Văn S đã chỉ đạo Nguyễn Văn Q là kế toán của Công ty CP SĐ 6 lập bảng kê số tiền yêu cầu Công ty Nam Tín phải nộp lại trên số tiền được tạm ứng thanh toán thi công xây dựng một số hạng mục sơn tại Công trình thủy điện Huội Quảng, chỉ đạo Phạm Thị Thúy Hà cùng Nguyễn Văn Q thu tiền phần trăm và ký xác nhận, nhận tiền của Công ty Nam Tín theo bảng kê do Nguyễn Văn Q lập. Trong thời gian từ ngày 27/5/2016 đến ngày 17/11/2017, Lê Văn S đã yêu cầu ông Bùi Ngọc Sơn, Giám đốc Công ty Nam Tín nộp tổng số tiền 5.430.000.000 đồng. Lê Văn S giao cho Phạm Thị Thúy H lập sổ theo dõi và đã sử dụng số tiền 5.430.000.000 đồng trên vào các mục đích chung của Công ty CP SĐ 6 như ngoại giao, tiếp khách, thăm hỏi ốm đau, ma chay, hiếu hỉ... Đến tháng 7 năm 2019 đã chi tiêu hết số tiền này.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 3 Điều 356 BLHS. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định Cáo trạng của Viện kiểm truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, vi phạm pháp luật hình sự. Bị cáo S giữ chức vụ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, bị cáo Hà giữ chức vụ kế toán kiêm thủ quỹ và bị cáo Quang giữ chức vụ kế toán của Công ty cổ phần SĐ 6 là những người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, được đào tạo về quản lý kinh tế, tài chính và

kế toán, hiểu biết pháp luật nhưng đã lợi dụng vị trí công tác, lợi dụng công việc được giao gây khó khăn trong quá trình nghiệm thu và thanh toán khi Công ty Nam Tín làm thủ tục thanh toán để yêu cầu Công ty Nam Tín phải chi tiền % theo từng lần tạm ứng, thanh toán. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng chống tội phạm.

Xét vai trò của bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo S là người khởi xướng và trực tiếp yêu cầu Công ty Nam Tín chi % cho các khoản tạm ứng, thanh toán. Bị cáo Hà, Quang nhận sự chỉ đạo trực tiếp của bị cáo S để nhận tiền từ Công ty Nam Tín và bị cáo Quang lập 01 bảng tổng hợp tính giá trị chênh lệch giữa giá theo hợp đồng và giá S đưa ra để tính số tiền Công ty Nam Tín nộp lại của từng lần thanh toán là đồng phạm giúp sức.

Bị cáo Hà và bị cáo Quang đều là nhân viên dưới quyền quản lý trực tiếp của bị cáo S tại Công ty cổ phần SD 6 đã làm theo sự chỉ đạo của bị cáo S và giúp sức cho bị cáo S trong việc lợi dụng chức vụ chiếm đoạt số tiền 5.430.000.000 đồng của Công ty Nam Tín. Do đó vai trò của các bị cáo là thấp hơn so với bị cáo S.

Trong vụ án này, HĐXX đánh giá quá trình phạm tội của các bị cáo chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH Xây dựng và thương mại NT một nhà thầu cung ứng vật liệu và trực tiếp thi công. Tuy nhiên số tiền chiếm đoạt quá trình điều tra làm rõ các bị cáo sử dụng toàn bộ vào các công việc chung của Công ty CP SD 6 như khoản chi hiệu, hỷ, ma chay, liên hoan, đối ngoại...mà không có mục đích tư lợi chiếm đoạt riêng. Bản thân bị cáo S đã tự nguyện bỏ tiền ra đền bù toàn bộ thiệt hại, Công ty bị hại cũng có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ, các bị cáo Hà và Quang chỉ là nhân viên thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của S. Với phân tích trên, HĐXX xem xét vận dụng các quy định của Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để cá biệt vai trò của các bị cáo và áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 54 BLHS để cho các bị cáo được hưởng khoan hồng với mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

Cần áp dụng khoản 4 Điều 356 BLHS cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ kế toán trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

[5] Đối với ông Đặng Quốc Bảo, Đào Xuân Tuấn cùng các Công ty liên quan, HĐXX thấy:

Đối với ông Đặng Quốc Bảo - Nguyên Tổng Giám đốc Công ty CP SD 6; **ông Đào Xuân Tuấn** - Tổng Giám đốc Công ty CP SD 6 (thay ông Đặng Quốc Bảo từ tháng 5/2017): Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra xác định ông Bảo, ông Tuấn đã làm đúng quy trình trong việc ký hợp đồng thi công, nghiệm thu, thanh toán hạng mục sơn Epoxy với Công ty Nam Tín. Không đủ cơ sở kết luận ông Đặng Quốc Bảo và ông Đào Xuân Tuấn chỉ đạo và biết Lê Văn S, Nguyễn Thị Thuý Hà và Nguyễn Văn Q thu tiền phần trăm của Công ty Nam Tín để chi vào các hoạt động chung của Công ty.

- Đối với lãnh đạo của Công ty CP quảng cáo thương mại và xây dựng Đông Đô; Công ty TNHH sản xuất thương mại Thành Tiến; Công ty CP EUROWINDOW; Công ty TNHH XS TMDV Đức Cường; Công ty CP ĐTTM và

KTXD Hoàng Sơn là 05 đơn vị thầu phụ thi công một số hạng mục của nhà máy thủy điện Huội Quảng. Lê Văn S khai cho tiền cảm ơn sau khi thanh toán và thanh lý hợp đồng nhưng Lãnh đạo 05 Công ty trên không thừa nhận có việc gửi giá, cho tiền hay phải nộp tiền cho Công ty CP SĐ 6 hay cá nhân Lê Văn S.

Do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý bằng pháp luật hình sự đối với ông Đặng Quốc Bảo và ông Đào Xuân Tuấn cùng lãnh đạo của 5 Công ty nêu trên là hoàn toàn phù hợp.

Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, quá trình điều tra và tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo S đã chủ động cùng gia đình nộp lại toàn bộ số tiền đã hưởng lợi bất chính để khắc phục hậu quả vụ án; Công ty cổ phần SĐ 6 có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Quá trình công tác, bị cáo có nhiều đóng góp và thành tích trong công tác và ngay khi bị điều tra các bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để giải quyết nhanh vụ án.

Do các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 3 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục đối với các bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015, cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ quản lý (kế toán trưởng), kế toán và thủ quỹ (đối với bị cáo Hà) trong các cơ quan Nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn của Nhà nước trong thời gian 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại giai đoạn điều tra, ngày 02/8/2019 bà Mai là vợ bị cáo đã thay mặt bị cáo khắc phục hậu quả số tiền 5.430.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Trả lại Công ty CP SĐ 6 tài sản gồm 01 máy tính xách tay nhãn hiệu sony vios màu đen, mode: SVF143 A1YW, 01 ổ cứng rời nhãn hiệu WD màu xanh, 01 cây máy tính nhãn hiệu Pioneer màu đen, 01 cây máy tính nhãn hiệu ORIENT. Đồng thời tịch thu tiêu hủy 04 USB.

Đối với toàn bộ vật chứng thu giữ mà Cơ quan điều tra đã chuyển sang Cục Thi hành án dân sự Thành phố HN.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn S, Phạm Thị Thúy Hà, Nguyễn Văn Q phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 3; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn S 5 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 25/7/2019.

- Áp dụng khoản 3 Điều 356; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 3; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

+ Bị cáo Phạm Thị Thúy Hà 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 25/7/2019.

+ Bị cáo Nguyễn Văn Q 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 25/7/2019.

2. Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015, cấm bị cáo Lê Văn S, Phạm Thị Thúy Hà, Nguyễn Văn Q đảm nhiệm chức vụ quản lý (**kế toán trưởng**) và chức vụ kế toán trong các cơ quan Nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn của Nhà nước trong thời gian 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận gia đình bị cáo đã nộp số tiền 5.430.000.000 đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả.

4. Xử lý tang vật:

4.1. Trả lại Công ty CP SD 6 các tài sản thu giữ mà Cơ quan điều tra đã chuyển sang Cục Thi hành án dân sự thành phố HN bao gồm:

- + 01 máy tính xách tay nhãn hiệu sony vios màu đen, mode: SVF143 A1YW
- + 01 ổ cứng rời nhãn hiệu WD màu xanh
- + 01 cây máy tính nhãn hiệu Pioneer màu đen
- + 01 cây máy tính nhãn hiệu ORIENT.

4.2. Tịch thu tiêu hủy các tài sản thu giữ mà Cơ quan điều tra đã chuyển sang Cục Thi hành án dân sự thành phố HN bao gồm:

- + 01 USB màu đen nhãn hiệu Transcend
- + 01 USB màu đỏ nhãn hiệu DT101
- + 01 USB màu xanh nhãn hiệu Kingston
- + 01 USB nhãn hiệu ADATA màu trắng

5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo S, bị cáo Hà, bị cáo Quang mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/10/2021.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP HN;
- PC27 Công an TP HN;
- Cục THADS TP HN;
- Bị cáo;
- Trung tâm LLTP- Bộ Tư Pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN ĐÌNH TIẾN